VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với học viên cơ yếu

Thông tư số 116/2015/TT-BQP ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với học viên cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 35/2022/TT-BQP ngày 26 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 116/2015/TT-BQP ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với học viên cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022.

Căn cứ Luật cơ yếu ngày 26 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với học viên cơ yếu[1].

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này Quy định về tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với học viên cơ yếu hưởng phụ cấp sinh hoạt phí tại các cơ sở đào tạo cơ yếu, bao gồm: Tiêu chuẩn ăn; tiêu chuẩn trang phục; tiêu chuẩn trang bị nhà ăn, nhà bếp và dụng cụ cấp dưỡng; tiêu chuẩn nhu yếu phẩm; tiêu chuẩn vật chất y tế; tiêu chuẩn diện tích

---

[1] Thông tư số 35/2022/TT-BQP ngày 26 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 116/2015/TT-BQP ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với học viên cơ yếu, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật cơ yếu ngày 26 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 09/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Cơ yếu Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 76/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với quân nhân tại ngũ, công nhân và viên chức quốc phòng;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Cơ yếu Chính phủ;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 116/2015/TT-BQP ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với học viên cơ yếu".

ở, sinh hoạt, nhà ăn tập thể và thiết bị vệ sinh trong đơn vị; định mức sử dụng điện năng và nước sạch trong sinh hoạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Học viên cơ yếu không phải là quân nhân, Công an nhân dân hưởng phụ cấp sinh hoạt phí đang đào tạo tại các cơ sở đào tạo cơ yếu (sau đây gọi tắt là học viên cơ yếu).

2. Học viên cơ yếu là quân nhân, Công an nhân dân được thực hiện tiêu chuẩn vật chất hậu cần theo quy định đối với quân nhân, Công an nhân dân.

3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc bảo đảm

1. Bảo đảm tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với học viên cơ yếu đáp ứng nhu cầu cho sinh hoạt thường xuyên, huấn luyện, dã ngoại, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu.

2. Bảo đảm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ trong tổ chức cơ yếu, điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng ngân sách nhà nước trong từng giai đoạn.

3. Phù hợp với sự phát triển chung và đặc trưng của từng vùng, miền, từng đối tượng cụ thể.

Điều 4. Phương thức bảo đảm

Tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với học viên cơ yếu quy định tại Thông tư này được bảo đảm bằng một trong các phương thức sau:

1. Bảo đảm bằng tiền mặt.

2. Bảo đảm bằng hiện vật.

Chương II
TIÊU CHUẨN VẬT CHẤT HẬU CẦN

Điều 5. Tiêu chuẩn ăn

1. Nhiệt lượng khẩu phần ăn 3.200 Kcal/người/ngày, cơ cấu định lượng các loại lương thực, thực phẩm và tỷ lệ các chất sinh nhiệt hợp lý (Protêin từ 14% đến 16%, Lipít từ 18% đến 20%, Gluxít từ 64% đến 68%).

2. Tiêu chuẩn, định lượng, mức tiền ăn cơ bản; bệnh nhân điều trị; ăn thêm các ngày lễ, tết; khi tham gia chiến đấu, diễn tập, phòng chống lụt bão, thiên tai, hỏa hoạn và tìm kiếm cứu nạn đối với học viên cơ yếu được tính ngang bằng với tiêu chuẩn, định lượng, mức tiền ăn cơ bản; bệnh nhân điều trị; ăn thêm các ngày lễ, tết; khi tham gia chiến đấu, diễn tập, phòng chống lụt bão, thiên tai, hỏa hoạn và tìm kiếm cứu nạn của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh trong các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng ở cùng thời điểm.

Điều 6. Tiêu chuẩn trang phục

1. Trang phục đối với học viên cơ yếu là những loại trang phục cấp cho cá nhân quản lý sử dụng thường xuyên và trang phục dùng chung, gồm: Trang phục thường xuyên, trang phục niên hạn, trang phục chống rét.

2. Trang phục nghiệp vụ đối với học viên cơ yếu là những loại trang phục trang bị cho học viên cơ yếu từ năm học thứ 3 trở đi trực tiếp thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, chiến đấu, dã ngoại.

3. Tiêu chuẩn trang phục đối với học viên cơ yếu thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Tiêu chuẩn trang bị nhà ăn, nhà bếp và dụng cụ cấp dưỡng

Tiêu chuẩn trang bị nhà ăn, nhà bếp và dụng cụ cấp dưỡng đối với học viên cơ yếu được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 05/2015/TT-BQP ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn trang bị nhà ăn, nhà bếp, dụng cụ cấp dưỡng; định mức sử dụng điện năng tại các kho, khu kỹ thuật; tiêu chuẩn trang bị máy phát điện đối với các đơn vị, tổ chức thuộc lực lượng cơ yếu và doanh cụ trong phòng làm việc cơ yếu.

Điều 8. Tiêu chuẩn nhu yếu phẩm

Tiêu chuẩn nhu yếu phẩm đối với học viên cơ yếu được thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 9. Tiêu chuẩn vật chất y tế

1. Tiêu chuẩn thuốc, bông băng dùng tại đơn vị đối với học viên cơ yếu được bảo đảm 100.000 đồng/người/năm.

2. Tiêu chuẩn thuốc, bông băng dùng cho giường bệnh, khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế và tiêu chuẩn vật chất y tế khác đối với học viên cơ yếu được thực hiện theo quy định đối với học viên đào tạo sĩ quan chuyên ngành kỹ thuật tại các học viện, trường trong Quân đội.

Điều 10. Tiêu chuẩn diện tích ở, sinh hoạt, nhà ăn tập thể và thiết bị vệ sinh trong đơn vị

Tiêu chuẩn diện tích ở, sinh hoạt, nhà ăn tập thể và thiết bị vệ sinh trong đơn vị đối với học viên cơ yếu thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 11. Định mức sử dụng điện năng và nước sạch trong sinh hoạt

1. Định mức sử dụng điện năng đối với học viên cơ yếu gồm định mức sử dụng điện năng cho sinh hoạt, đào tạo và các nhiệm vụ khác, cụ thể:

a)[2] Định mức sử dụng điện năng cho sinh hoạt đối với học viên cơ yếu được bảo đảm 11 KWh/người/tháng;

b) Định mức sử dụng điện năng cho đào tạo đối với học viên cơ yếu thực hiện theo quy định tại Bảng 3 Danh mục số 05 ban hành kèm theo Nghị định số 32/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và

---

[2] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 35/2022/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 116/2015/TT-BQP ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với học viên cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022.

hướng dẫn thi hành một số điều của Luật cơ yếu về chế độ, chính sách đối với người làm công tác cơ yếu;

c) Định mức sử dụng điện năng cho các nhiệm vụ khác là mức sử dụng điện năng (KWh điện) quy định sử dụng trong một tháng cho học viên cơ yếu bảo đảm các nhiệm vụ không thuộc nhiệm vụ nêu tại Điểm a và b Khoản này (công tác kho tàng, thư viện, bảo tàng, nghiên cứu khoa học, hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, điện bơm nước).

Định mức sử dụng điện năng quy định cho các nhiệm vụ khác được thực hiện ngang bằng định mức sử dụng điện năng cho các nhiệm vụ khác đối với học viên đào tạo sĩ quan chuyên ngành kỹ thuật tại các học viện, nhà trường trong Quân đội.

2. Định mức sử dụng nước sạch trong sinh hoạt bảo đảm đủ tiêu chuẩn là 130 đến 150 lít nước sạch sinh hoạt mỗi người/ngày. Những đơn vị công tác trên địa bàn chưa có nước sạch dùng chung, tùy theo điều kiện thực tế có thể được trang bị máy móc để khai thác nguồn nước sạch hoặc đầu tư xây dựng công trình để phục vụ nước sinh hoạt bảo đảm từ 130 đến 150 lít nước sạch sinh hoạt cho mỗi người/ngày.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Kinh phí bảo đảm

Kinh phí thực hiện tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với học viên cơ yếu quy định tại Thông tư này do ngân sách nhà nước bảo đảm. Hàng năm, các cơ sở đào tạo cơ yếu xây dựng dự toán kinh phí thực hiện trong dự toán ngân sách gửi cơ quan tài chính cùng cấp tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp

1. Khi tiêu chuẩn, định lượng, mức tiền ăn cơ bản; bệnh nhân điều trị; ăn thêm các ngày lễ, tết; tham gia chiến đấu, diễn tập, phòng chống lụt bão, thiên tai, hỏa hoạn, tìm kiếm cứu nạn và một số tiêu chuẩn vật chất hậu cần khác của hạ sĩ quan, binh sĩ bộ binh thuộc Quân đội nhân dân điều chỉnh thì tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với học viên cơ yếu quy định tại Khoản 2 Điều 5, Khoản 2 Điều 9 và Điểm c Khoản 1 Điều 11 Thông tư này được điều chỉnh tương ứng.

2. Trường hợp văn bản dẫn chiếu trong Thông tư này được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản thay thế hoặc văn bản đã sửa đổi, bổ sung.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Ban Cơ yếu Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện và giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Ban Cơ yếu Chính phủ phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 15. Hiệu lực thi hành[3]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2015.

2. Bãi bỏ những quy định trước đây về tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với học viên cơ yếu trái với quy định tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ Quốc phòng (qua Ban Cơ yếu Chính phủ) để phối hợp xem xét, giải quyết./.

BỘ QUỐC PHÒNG

Số: 02 /VBHN-BQP

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Thượng tướng Vũ Hải Sản

[3] Điều 2 của Thông tư số 35/2022/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 116/2015/TT-BQP ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với học viên cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022, quy định như sau:

"Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022.

2. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ Quốc phòng (qua Ban Cơ yếu Chính phủ) để phối hợp xem xét, giải quyết".

Phụ lục số 01

TIÊU CHUẨN TRANG PHỤC ĐỐI VỚI HỌC VIÊN CƠ YẾU[1]

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2022/TT-BQP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

STT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn
I	**Trang phục thường xuyên cấp cho cá nhân**			
1	Trang phục thường dùng	Bộ	2	1 năm
2	Áo lót	Cái	3	1 năm
3	Quần lót	Cái	3	1 năm
4	Khăn mặt	Cái	3	1 năm
5	Bít tất	Đôi	3	1 năm
6	Giầy vải cao cổ	Đôi	3	2 năm
7	Dép nhựa	Đôi	1	1 năm
8	Chiếu cá nhân	Cái	1	1 năm
9	Dây lưng nhỏ	Cái	1	3 năm
10	Áo mưa	Cái	1	1 năm
11	Màn cá nhân	Cái	1	3 năm
12	Vỏ chăn cá nhân	Cái	1	3 năm
13	Gối cá nhân	Cái	1	3 năm
14	Ba lô + túi lót	Cái	1	3 năm
II	**Trang phục chống rét**			
1	Vùng rét 1			
a	Áo dệt kim mùa đông	Bộ	1	2 năm
b	Ruột chăn bông	Cái	1	4 năm

[1] Phụ lục này được sửa đổi, thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 35/2022/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 116/2015/TT-BQP ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với học viên cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022.

STT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn
c	Mũ bông	Cái	1	3 năm
d	Áo ấm	Cái	1	3 năm
đ	Đệm nằm	Cái	1	4 năm
e	Ga bọc đệm nằm	Cái	1	2 năm
g	Quần áo dệt kim đông xuân	Bộ	1	1 năm
2	Vùng rét 2			
a	Ruột chăn bông	Cái	1	4 năm
b	Áo dệt kim mùa đông	Bộ	1	2 năm
c	Áo ấm	Cái	1	3 năm
d	Quần áo dệt kim đông xuân	Bộ	1	1 năm
III	**Trang phục nghiệp vụ**			
1	Quần áo dã ngoại, huấn luyện	Bộ	1	1 năm
2	Mũ cứng	Cái	1	2 năm

**** Ghi chú:***

1. Một bộ trang phục thường dùng gồm: 01 quần dài và 01 áo sơ mi dài tay.

2. Trang phục chống rét (trừ đệm nằm) các loại, khi tốt nghiệp nhận công tác không thu lại.

a) Vùng rét 1, áp dụng đối với học viên cơ yếu học tập, làm việc tại các tỉnh: Sơn La, Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Quảng Ninh và các đảo thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ Quảng Bình trở ra phía Bắc.

b) Vùng rét 2, áp dụng đối với học viên cơ yếu học tập, làm việc tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc khu vực Tây Nguyên và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại từ Thừa Thiên Huế trở ra phía Bắc.

Phụ lục số 02

TIÊU CHUẨN NHU YẾU PHẨM ĐỐI VỚI HỌC VIÊN CƠ YẾU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 116/2015/TT-BQP ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

STT	Tên vật phẩm	Tiêu chuẩn
1	Đường kết tinh	01 kg/người/tháng
2	Xà phòng giặt	0,5 kg/người/tháng
3	Xà phòng tắm	01 bánh/người/tháng
4	Dầu gội đầu	200 ml/người/quý
5	Kem đánh răng	01 ống/người/quý
6	Bàn chải răng	01 cái/người/quý
7	Bàn cạo (đối với nam)	01 cái/người/năm
8	Lưỡi dao cạo (đối với nam)	02 cái/người/tháng
9	Bút bi	01 cái/người/quý
10	Giấy viết thư	04 tờ/người/tháng
11	Phong bì thư	04 cái/người/tháng
12	Tem thư	04 cái/người/tháng
13	Khăn mùi xoa	02 cái/người/năm
14	Chè khô	100 gam/người/tháng
15	Bánh kẹo	200 gam/người/tháng
16	Chỉ khâu	01 cuộn/người/năm
17	Kim khâu	05 cái/người/năm
18	Bật lửa	01 cái/người/quý
19	Đèn pin	01 cái/người/năm
20	Pin đèn	04 đôi/người/năm

Phụ lục số 03
TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH Ở, SINH HOẠT, NHÀ ĂN TẬP THỂ VÀ THIẾT BỊ VỆ SINH ĐỐI VỚI HỌC VIÊN CƠ YẾU[1]
(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2022/TT-BQP ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Bảng 1: Tiêu chuẩn diện tích ở tập thể

STT	Danh mục	Tiêu chuẩn
1	Giường 1 tầng	5,0 m^2/người
2	Giường 2 tầng	3,5 m^2/người

Bảng 2: Tiêu chuẩn diện tích sinh hoạt tập thể

STT	Danh mục	Tiêu chuẩn
1	Phòng sinh hoạt tập thể	36 m^2 - 54 m^2
2	Phòng khách	36 m^2 - 54 m^2
3	Phòng bảo mật lưu trữ	54 m^2

Bảng 3: Tiêu chuẩn diện tích trong nhà ăn tập thể

STT	Danh mục	Tiêu chuẩn
1	Khu vực chế biến và kho	0,5 m^2/người
2	Khu vực ăn	0,9 m^2/người
3	Khu vực phục vụ	0,3 m^2/người

Bảng 4: Tiêu chuẩn thiết bị vệ sinh

a) Bảng thiết bị vệ sinh nhà ở tập thể

Đối tượng danh mục	Quy mô quân số (người)	Trang bị				
		Tắm	Xí bệt	Tiểu treo	Chậu rửa sứ	Dụng cụ giặt
Thiết bị vệ sinh nhà ở tập thể	6	1	1	1	1	2 xô đựng nước, 2 chậu giặt, 2 chậu rửa mặt (niên hạn 1 năm)

* ***Ghi chú:*** Đơn vị có cả nam và nữ phải bố trí cho nam riêng, nữ riêng.

[1] Phụ lục này được sửa đổi, thay thế theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 35/2022/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 116/2015/TT-BQP ngày 01 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với học viên cơ yếu, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022.

b) Thiết bị vệ sinh nhà làm việc công cộng

STT	Quy mô quân số (người)	Số lượng người cho một thiết bị	Thiết bị vệ sinh (Bộ)		
			Xí	Tiểu	Rửa
1	Nhỏ hơn hoặc bằng 50	10	1	1	1
2	Từ 50 đến 100	50	2	3	2
3	Trên 100	100	3	4	3

* ***Ghi chú:*** Đơn vị có cả nam và nữ phải bố trí cho nam riêng, nữ riêng./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng